TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/DS-ST
Ngày: 29-11-2018
V/v: Tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện
2. Ông Nguyễn Văn Kiệt

Thư ký phiên toà: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà:* Ông Võ Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị X, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Ph, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Võ Phi Ph, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11-6-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị X trình bày như sau:

Vào năm 2014 anh Võ Phi Ph nói với bà là có thành lập Công ty may mặc S và anh Ph rủ bà X góp vốn, bà X đồng ý và đã đưa tiền cho anh Ph 4 lần cụ thể như sau: Lần đầu vào ngày 21-11-2014 bà X đưa anh Ph 10.000.000 đồng; đến ngày 10-12-2014 bà X tiếp tục đưa thêm 20.000.000 đồng cho anh Ph; ngày 11-12-2014 bà X đưa thêm 10.000.000 đồng và ngày 20-12-2014 bà X đưa thêm 10.000.000 đồng cho anh Ph, tổng cộng bà X đã đưa cho anh Ph là 50.000.000 đồng, anh Ph hứa hẹn sẽ trả cho bà X 10.000.000 đồng tiền lãi nhưng anh Ph không trả lãi cho bà X. Đến đầu tháng 3 năm 2015 bà X có gặp anh Ph để đòi lại số tiền 50.000.000 đồng nhưng anh Ph cứ hứa hẹn mãi mà không chịu trả. Nay bà X yêu cầu anh Ph

trả lại cho bà X số tiền 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01-3-2015 cho đến ngày xét xử.

Bị đơn anh Võ Phi Ph: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa anh Ph vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị X đối với bị đơn anh Võ Phi Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 11-6-2018 bà Trịnh Thị X có đơn khởi kiện yêu cầu anh Võ Phi Ph trả lại tiền góp vốn 50.000.000 đồng cho bà, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Toà án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp đòi tài sản vì giao dịch giữa bà X và anh Ph không thỏa mãn các điều kiện về hợp đồng góp vốn.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Võ Phi Ph không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu của bà X buộc anh Ph trả lại số tiền 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01-3-2015 cho đến ngày xét xử, Toà án nhận thấy:

Thời gian từ ngày 21-11-2014 đến ngày 20-12-2014, bà X có thỏa thuận góp vốn cho anh Ph tổng cộng số tiền 50.000.000 đồng, anh Ph hứa sẽ trả lãi cho bà X 10.000.000 đồng nhưng không trả. Đến đầu tháng 3 năm 2015 bà X gặp anh Ph để đòi lại số tiền 50.000.000 đồng, anh Ph hứa hẹn nhưng vẫn không trả lại tiền cho bà X. Xét thấy số tiền 50.000.000 đồng bà X kiện anh Ph chưa được anh Ph thừa nhận tại Tòa án. Tuy nhiên căn cứ vào các biên nhận do nguyên đơn cung cấp: ngày 21-11-2014 với số tiền 10.000.000 đồng; ngày 10-12-2014 số tiền 20.000.000

đồng; ngày 11-12-2014 số tiền 10.000.000 đồng và ngày 20-12-2014 số tiền 10.000.000 đồng đều có chữ ký xác nhận của anh Võ Phi Ph. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh Ph đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Ph vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh Ph đã trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ đối với bà X. Do đó, việc bà X yêu cầu anh Ph trả lại số tiền 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01-3-2015 cho đến ngày xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[3] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[4] Căn cứ Điều 256 và Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị X; buộc anh Võ Phi Ph phải trả lại cho bà Trịnh Thị X số tiền 50.0000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định pháp luật từ ngày 01-3-2015 đến ngày xét xử 29-11-2018.

Mức lãi suất được tính theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 9%/năm = 0,75%/tháng. Tiền lãi được tính như sau:

Số tiền gốc 50.000.000 đồng tính lãi từ ngày 01-3-2015 đến ngày xét xử 29-11-2018 là 44 tháng 28 ngày, tiền lãi là: 50.000.000 đồng x 0,75% x 44 tháng 28 ngày = 16.850.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi anh Ph có trách nhiệm trả cho bà X là 66.850.000 đồng.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc anh Võ Phi Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà X là: 66.850.000 đồng x 5% = 3.342.500 đồng.

Bà Trịnh Thị X không phải chịu án phí; hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng cho bà X theo biên lai thu số 0006510 ngày 14-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 256 và Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị X.

2. Buộc anh Võ Phi Ph có nghĩa vụ trả lại cho bà Trịnh Thị X số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật là 16.850.000 đồng, tổng cộng là 66.850.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà X có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Ph không trả số tiền trên thì còn phải trả cho bà X khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Phi Ph phải nộp án phí 3.342.500 đồng (Ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Bà Trịnh Thị X không phải chịu án phí; hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng cho bà X theo biên lai thu số 0006510 ngày 14-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014".

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Tạ Thị Xuân